

ĐỀ THI CHÍNH THỨC VÀO 10

MÔN: NGỮ VĂN – KIÊN GIANG CHUYÊN NĂM 2025



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc văn bản:

Mẹ ra Hà Nội

(Lê Đình Cảnh)

(1) Mẹ ra Hà Nội thăm con

Vừa trên tàu xuống chân còn run run

Áo nâu còn ẩm mưa phùn

Còn hoài vị cỏ sục bùn lúa non

Sang đường tay nín áo con

Ngã tư hỏi hã xe bon ngược chiều.

Lời ru bà thuộc thuộc nào

Qua bom đạn vẫn ngọt ngào nắng trưa

Để hồn cháu có núi Nưa

Tiếng cồng Bà Triệu ngày xưa vọng về

Lam Sơn rừng núi ba bề

Lũng Nhai vọng mãi lời thề nước non.

(2) Khoác vai mẹ, chiếc dầy nghèo

Năm xưa thắt lại bao điều đắng cay

Đưa con trốn ngục những ngày

Vài lưng gạo hầm thắm thầy trong lao ...

[...]

(3) Bà ra bế cháu của bà

Những mong cùng ước lòng bà hôm mai

Lên thang chẳng dám bước dài

Vào khu tập thể gặp ai cũng chào

(4) Trãi bao sông cạn đá mòn

Còn con còn cháu nên còn cha ông

Mới xa đã nhớ ruộng đồng

Thương con mà chẳng đành lòng ở lâu

Run run mẹ bước lên tàu

Vị bùn vẫn thoảng áo nâu quê nhà.

(Nguyễn Thanh Tâm tuyển chọn – giới thiệu 141
tác giả thơ Việt Nam đương đại, *Những mảnh ghép
của huyền thoại*, NXB Văn học, Hà Nội, 2024,
tr.211 – 212)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1 (0,5 điểm). Xác định thể thơ của văn bản.**Câu 2 (0,5 điểm).** Ghi lại các tiếng có gieo vần ở đoạn thơ (1).**Câu 3 (1,0 điểm).** Phân tích tâm tư, nỗi niềm của người mẹ trong 2 dòng thơ in đậm.**Câu 4 (1,0 điểm).** Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ trong hai dòng thơ:

“Run run mẹ bước lên tàu

Vị bùn vẫn thoảng áo nâu quê nhà.”

Câu 5 (1,0 điểm). Hình ảnh người mẹ/người bà trong văn bản trên gợi lên trong em tình cảm, thái độ gì.
(trình bày khoảng 5 đến 7 dòng)

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích hình ảnh người bà trong đoạn thơ (3) ở phần Đọc hiểu.

Câu 2 (4,0 điểm). Hiện nay, còn hiện tượng đáng buồn là một số học sinh học đối phó. Em hãy viết bài văn nghị luận bàn về hiện tượng đó và đề xuất giải pháp phù hợp.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT**THỰC HIỆN BỞI BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM**

Phần	Câu	Hướng dẫn giải
I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)	Câu 1. (0,5 điểm)	Bài thơ được viết theo thể thơ lục bát
	Câu 2. (0,5 điểm)	Các tiếng được gieo vần ở đoạn thơ (1): + phùn - bùn + non - con - bon
	Câu 3. (1,0 điểm)	Học sinh tự cảm nhận phân tích, chú ý tính hợp lý: Hai câu thơ thể hiện tâm tư đầy yêu thương nhưng cũng đầy trách nhiệm của người mẹ: - Nhớ ruộng đồng → biểu hiện của tình yêu quê hương và trách nhiệm với công việc nhà nông. - Thương con → tình mẫu tử sâu đậm, thiêng liêng. - Không ở lâu → mẹ luôn lo toan, nghĩ về những điều phía sau lưng, chứ không bao giờ cho phép mình nghỉ ngơi lâu, dù là bên con.
	Câu 4. (1,0 điểm)	Gợi ý: - Tạo điểm nhấn cảm xúc, làm nổi bật trạng thái xúc động, bờ ngổ của người mẹ (run run). - Khắc sâu hình ảnh người mẹ quê mộc mạc, gắn bó với ruộng đồng, với mùi vị đất bùn quê hương. - Tăng tính nhạc điệu và sức gợi hình, gợi cảm trong thơ.
	Câu 5. (1,0 điểm)	Học sinh tự trình bày cảm nhận của bản thân, chú ý lý giải phù hợp. sau đây là gợi ý: - Tình yêu thương, sự trân trọng đối với sự hi sinh của bà, của mẹ

		- Sự biết ơn và mong muốn được báo đáp công ơn của bà, của mẹ,...
PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)	Câu 1. (2,0 điểm)	I. Mở đoạn: Giới thiệu khái quát hình ảnh người bà trong đoạn thơ: Hình ảnh người bà hiện lên vừa gần gũi, giản dị, lại cao đẹp, giàu lòng yêu nước và truyền thống văn hóa. II. Thân đoạn: 1. Người bà giản dị, gần gũi, đầy yêu thương - Bà hiện lên trong hình ảnh thân thuộc: bế cháu, chăm cháu, đặt nhiều kỳ vọng, mong mỗi cháu khôn lớn nên người. Tình yêu thương ấm áp, bao dung của bà dành cho thế hệ sau. - Bà cẩn trọng, khiêm nhường, mang phong thái lễ độ, nề nếp của người lớn tuổi – đại diện cho truyền thống đạo đức xưa. 2. Người bà là hiện thân của truyền thống văn hóa, lịch sử dân tộc - Lời ru là biểu tượng của văn hóa dân gian, truyền thống nuôi dưỡng tâm hồn. Dù trải qua chiến tranh bom đạn, bà vẫn giữ được nét đẹp dịu dàng, vững vàng truyền lại cho cháu. - Bà không chỉ ru cháu bằng lời ru ngọt ngào, mà còn ru cháu bằng lịch sử dân tộc, qua hình ảnh núi Nưa, Bà Triệu – biểu tượng anh hùng. - Những địa danh lịch sử hiện lên cho thấy tầm vóc tinh thần và lòng yêu nước được bà truyền lại. Người bà ở đây là cầu nối giữa quá khứ hào hùng và hiện tại, truyền lại ngọn lửa yêu nước cho cháu. III. Kết đoạn: Tổng kết vấn đề nghị luận.
	Câu 2. (4,0 điểm)	I. Mở bài Giới thiệu khái quát về vấn đề nghị luận: Tình trạng học đối phó – một thực trạng phổ biến và đáng lo ngại trong môi trường giáo dục hiện đại; đề xuất giải pháp phù hợp II. Thân bài 1. Giải thích - Học đối phó là học không nhằm mục đích hiểu biết, phát triển bản thân mà chỉ để đối phó với bài kiểm tra, kỳ thi, thầy cô, cha mẹ... - Biểu hiện của học đối phó: Học thuộc lòng một cách máy móc. Học trước quên sau. Chép bài, học tủ, học lệch. Không chủ động tìm tòi, sáng tạo trong học tập.

	2. Thực trạng của việc học đối phó hiện nay - Diễn ra phổ biến ở nhiều cấp học, nhất là học sinh THCS, THPT. - Học sinh chỉ chăm học vào những kỳ thi, hoặc học môn nào có kiểm tra. - Nhiều em không thấy được giá trị thật sự của việc học → học gượng ép, đối phó. 3. Nguyên nhân của tình trạng học đối phó - Từ học sinh: + Thiếu nhận thức đúng đắn về mục đích học tập. + Lười biếng, thiếu động lực nội tại. - Từ nhà trường và xã hội: + Chương trình học nặng, thi cử áp lực, chạy theo thành tích. - Từ phụ huynh: + Ép buộc con học vì điểm số, không quan tâm đến hứng thú, năng lực thật sự. - Từ môi trường xã hội: + Tâm lý học để thi, học để “qua môn” đã ăn sâu vào nhận thức. 4. Tác hại của việc học đối phó - Gây mất hứng thú học tập, học sinh dễ chán nản, mệt mỏi. - Không có kiến thức vững chắc, dẫn đến thiếu kỹ năng và năng lực thực tiễn. - Dần dần giết chết tư duy sáng tạo, tinh thần học hỏi. - Gây lệch lạc trong mục tiêu giáo dục, làm giảm chất lượng nguồn nhân lực tương lai. 5. Đề xuất giải pháp khắc phục <i>a. Đối với học sinh:</i> - Tự xây dựng mục tiêu học tập rõ ràng, đúng đắn. - Chủ động trong việc học: tự học, tự tìm tòi, không lệ thuộc. - Học vì bản thân, vì tương lai chứ không phải vì người khác. <i>b. Đối với nhà trường và thầy cô:</i> - Đổi mới phương pháp giảng dạy: kích thích tư duy, sự sáng tạo. - Giảm áp lực điểm số, khuyến khích học sinh phát triển năng lực cá nhân. <i>c. Đối với gia đình:</i> - Tạo môi trường học tập tích cực, khuyến khích thay vì áp đặt. - Đồng hành cùng con trong quá trình học, quan tâm đến cảm xúc và hứng thú học tập của con. <i>d. Về phía xã hội:</i> - Cải cách giáo dục theo hướng phát triển toàn diện năng lực.
--	--

		- Xây dựng tư tưởng học thật, thi thật, tránh bệnh thành tích. III. Kết bài Tổng kết lại vấn đề nghị luận
--	--	---